

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 01, 2026

Số/ No.: 20260601/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/

To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên Công ty Quản lý quỹ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF

- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIVFS**

- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 6, Tòa The Mett, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
Floor 6th, The Mett Tower, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **29/05/2026**

- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF/ Creation Unit = 100 000 ETF certificates

- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Stock			
1	ACB	5,500	7.67%
2	AGR	100	0.08%
3	APG	200	0.05%
4	BIC	100	0.13%
5	BID	500	1.20%
6	BMI	100	0.08%
7	BSI	100	0.20%
8	BVH	100	0.38%
9	CTG	1,500	2.96%
10	CTS	100	0.16%
11	DSC	100	0.07%
12	DSE	200	0.26%
13	EIB	1,900	2.30%
14	EVF	900	0.70%
15	FTS	200	0.27%
16	HCM	800	1.25%
17	HDB	5,100	7.46%
18	LPB	3,600	10.80%
19	MBB	5,200	7.36%
20	MIG	100	0.11%
21	MSB	2,800	2.39%
22	NAB	2,100	1.45%
23	OCB	1,000	0.67%
24	ORS	400	0.30%
25	SHB	4,900	3.83%
26	SSB	2,200	1.80%
27	SSI	2,200	3.43%
28	STB	2,300	8.85%
29	TCB	5,000	9.23%
30	TCI	100	0.06%
31	TPB	2,000	1.80%
32	TVS	100	0.07%
33	VCB	1,200	4.27%
34	VCI	1,000	1.41%
35	VDS	100	0.08%
36	VIB	2,800	2.58%
37	VIX	3,100	3.09%
38	VND	1,500	1.51%
39	VPB	5,600	8.65%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	18,427,876	1.04%
III. Tổng / Total (= I + II)			
		1,766,792,876	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

1,748,365,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF : (VND)
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value : (VND)
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

1,766,792,876
18,427,876

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	BIC	23,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
2	BID	42,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BSI	35,250	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
4	BVH	67,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
5	MBB	25,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	VCB	62,800	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
7	VCI	25,000	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
8	VIB	16,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

State if component securities shall have corporate action (if any):

- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/ The correction and cancellation of transaction errors (if any):

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other relevant information (if any)

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	29/05/2026	28/05/2026	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	15,100,000	15,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	17,740.00	17,920.00	(180)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	266,785,724,413	272,108,328,841	(5,322,604,428)
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,766,792,876	1,802,041,912	(35,249,036)
của 1 CCQ/ per Share	17,667.92	18,020.41	(352.49)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,991.04	3,004.63	(13.59)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 28/05/2026 / Item 5 is net asset value at 28/05/2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 27/05/2026 / Item 5 is net asset value at 27/05/2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Hyun Dongsik
CHỦ TỊCH HĐQT